

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Liêm.
2. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số I Lô K, Khu dân cư Á, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ V, số 114/3, quốc lộ H, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Lê Phước L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ V, số 114/3, quốc lộ H, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Chị Trần Thị Thu T và anh Lê Phước L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2013 tại U, thành phố S. Sau khi kết hôn cả hai sống chung tại nhà mẹ ruột chị T, khoảng 2020 thì vợ chồng ra thuê nhà trọ sống. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau, anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Năm 2021, chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh L, quá trình giải quyết vụ án nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa trầm trọng nên Tòa án đã bác đơn ly hôn của chị T vào ngày 11/3/2021. Tuy nhiên, từ ngày Tòa án bác đơn ly hôn của chị T thì chị T đi Thành phố Hồ Chí Minh làm việc và không trở về chung sống với anh L cho đến nay. Nay chị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân với anh L không còn hạnh phúc, chị T không còn tình cảm với anh L nên chị T yêu cầu ly hôn anh L.

Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Lê Toàn P, sinh ngày 18/7/2013 và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/2017, hiện cháu P và cháu H đang sống chung với anh L. Tại phiên tòa, chị T xác định đồng ý giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn ý kiến yêu cầu gì khác trong vụ án này.

**** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Lê Phước L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian quen nhau, tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung. Anh L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không có cự cãi nhau, anh L luôn lo làm ăn và lo cho vợ con, anh L không biết lý do vì sao chị T yêu cầu ly hôn anh L. Năm 2021, chị T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn anh L, tuy nhiên anh L còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn và Tòa án xét xử bác đơn ly hôn của chị T. Tuy nhiên, sau đó chị T không trở về chung sống với anh L mà bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, lâu lâu mới về thăm con một lần. Nay anh L vẫn còn thương yêu chị T, anh L không muốn các con thiếu tình thương của cha hoặc mẹ nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau.

Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Lê Toàn P, sinh ngày 18/7/2013 và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/2017, hiện 02 con đang sống chung với anh L. Trường hợp ly hôn, anh L yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L giữ nguyên ý kiến trình bày. Ngoài ra, anh L không có ý kiến, yêu cầu gì khác trong vụ án này.

* Tại văn bản ý kiến ngày 17/10/2024 hai con của chị T và anh L là cháu Lê Hoàng P1, sinh ngày 18/7/2013 có ý kiến nếu cha và mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ; cháu Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/2017 có ý kiến nếu cha và mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, vợ chồng có tiếp tục chung sống vợ chồng cũng không có hạnh phúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Cho ly hôn giữa chị T và anh L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho anh Lê Phước L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Toàn P, sinh ngày 18/7/2013 và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/2017 (hiện 02 con đang sống chung với anh L) sau ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thu T về tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 02 con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. (Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Phước L là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2013 tại U,

thành phố S, tỉnh Đ. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn như vợ chồng thường cãi nhau, anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Còn anh L trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không có cự cãi nhau, anh L luôn lo làm ăn và lo cho vợ con. Vì còn tình cảm với chị T nên anh L không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống để chăm sóc các con.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn chị T và anh L đưa ra là không thống nhất. Tuy nhiên, nhận thấy tình cảm là phải xuất phát từ hai phía, bản thân chị T đã không còn tình cảm với anh L, từ năm năm 2021 sau khi Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nhằm để cho chị T và anh L thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị T và anh L cũng không trở về chung sống với nhau. Hơn nữa trong suốt thời gian sống ly thân giữa chị T và anh L không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, phía anh L cũng thừa nhận chị T mỗi lần về nhà cũng chỉ thăm con, ngoài ra, giữa vợ chồng không có nói chuyện, tâm sự, trao đổi gì với nhau. Từ đó cho thấy, nếu chị T và anh L có tiếp tục chung sống vợ chồng cũng không có được hạnh phúc. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh L là có căn cứ và phù hợp với quy của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh L xác định quá trình chung sống có hai con chung tên Lê Toàn P, sinh ngày 18/7/2013 và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/2017, hiện 02 con đang sống chung với anh L. Tại phiên tòa, chị T tự nguyện giao 02 con cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc đồng ý giao 02 con Lê Toàn P và Lê Quỳnh Khả H cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 02 con, không ai được cản trở là phù hợp với quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu Lê Toàn P và Lê Quỳnh K Hân thành niên đủ 18 tuổi.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Lê Phước L.

2. Về nuôi con chung: Anh Lê Phước L được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn tên Lê Toàn P, sinh ngày 18/7/2013 và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/2017, hiện 02 con đang sống chung với anh L.

Chị Trần Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 02 con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu Lê Toàn P và Lê Quỳnh K Hân thành niên đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 02/10/2024 theo biên lai thu số 0007844 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ vào án phí phải nộp. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phần